| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 6 – VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-01-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Văn Bảy
2. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Triệu Anh Thư – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* khu vực 6 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc*: "Ly hôn*, *tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Huỳnh Lê Anh D**, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: **Bà Cao Thị Thùy L**, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Ông D có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bà L có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2025, văn bản trình bày ý kiến ngày 23/10/2025, nguyên đơn ông Huỳnh Lê Anh D trình bày:*

*Về hôn nhân:* Vào ngày 28 tháng 02 năm 2017, ông D và bà L có tiến đến hôn nhân. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không

thể kéo dài, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay.

Nay ông D yêu cầu ly hôn với bà L, không yêu cầu việc cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

*Về con chung:* ông D và bà L có một người con tên Huỳnh Cao Như Y sinh ngày 16/8/2017. Hiện nay con chung đang sống với bà L. Khi ly hôn, ông D đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi con chung, ông D không cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* không có

Ngày 23/10/2025, ông D có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, bà L có mặt trình bày như sau:

*Về hôn nhân:* Vào năm 2017, bà L và ông D có tiến đến hôn nhân. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, Vĩnh Long). Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay.

Nay ông D yêu cầu ly hôn với bà L, không yêu cầu việc cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn thì bà L đồng ý ly hôn với ông D. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

*Về con chung:* ông D và bà L có một người con tên Huỳnh Cao Như Y sinh ngày 16/8/2017. Hiện nay con chung đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà L đồng ý được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Cao Như Y mỗi tháng theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

*Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D đối với bà L. Ông D được ly hôn với bà L.

Về con chung: giao con chung tên Huỳnh Cao Như Y sinh ngày 16/8/2017 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng theo quy định pháp luật, mỗi tháng 1.850.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của bị đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Huỳnh Lê Anh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông D và bà L tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre (nay là xã H, Vĩnh Long) vào năm 2017. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Ông D cho rằng sau khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà L và ông D sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Ông D xác định đã không còn tình cảm với bà L nên xin được ly hôn với bà L. Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình...". Đối chiếu với quy định trên thì giữa ông D và bà L đã có xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn. Hơn nữa, tại phiên tòa, bà L đồng ý ly hôn với ông D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông D là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Ghi nhận việc ông D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: ông D và bà L có một người con chung tên Huỳnh Cao Như Ý sinh ngày 16/8/2017. Hiện nay con chung đang sống với bà L. Khi ly hôn, ông D đồng ý để bà L được trực tiếp nuôi con chung, ông D không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà L yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con chung tên Huỳnh Cao Như Ý mỗi tháng theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn khởi kiện thì ông D đồng ý để bà L trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Cao Như Ý sinh ngày 16/8/2017 do hiện nay cháu Ý đang sống chung bà L, ông D không cấp dưỡng cho cháu Ý. Tại phiên tòa, bà L trình bày hiện nay bà L trực tiếp nuôi con chung nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Cao Như Ý. Do đó, để đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh

thần của cháu Ý cần giao cháu Ý cho bà L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng cho con chung: bà L yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Cao Như Y mỗi tháng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bà L và ông D cùng trình bày bà L và ông D sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Bà L là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Ý. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Ý nên bà L yêu cầu ông D cấp dưỡng cho con chung theo quy định pháp luật là phù hợp.

Theo Điều 82 Luật HNGĐ 2014 quy định *"1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.*

*2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".*

*Tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định :*

*....* " *Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thoả thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con".* Căn cứ Nghị định 293/2025/NĐ-CP ngày 10/11/2025 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng có hiệu lực từ 01/01/2026, thì ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.850.000 đồng/tháng (1/2 mức lương tối thiểu vùng 4 là 3.700.000 đồng : 2 = 1.850.000 đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: bà L và ông D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà L và ông D trình bày không có.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D phải chịu án phí hôn nhân gia đình số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004601 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông D còn nộp tiếp án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D đối với bà L. Ông D được ly hôn với bà L. Ghi nhận việc ông D không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: ông D và bà L có một người con chung tên Huỳnh Cao Như Ý sinh ngày 16/8/2017. Khi ly hôn, bà L được tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung tên Huỳnh Cao Như Ý.

Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Cao Như Y mỗi tháng số tiền là 1.850.000 đồng/tháng (một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà L và ông D trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà L và ông D trình bày không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông D phải chịu án phí hôn nhân gia đình số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004601 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông D còn nộp tiếp án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Bà L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 – Vĩnh Long;
- THADS Vĩnh Long;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Nga**